HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 32/2015/NQ-HĐND	*Cao Bằng, ngày 10 tháng 12 năm 2015*

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2016;

Xét Tờ trình số 3333/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc đề nghị phê chuẩn kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2016;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 với nội dung sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Về kinh tế

- Tổng sản phẩm (GRDP) tăng trên 7,0%, trong đó:

+ Nông, lâm, ngư nghiệp tăng trên 3,5%;

+ Công nghiệp, xây dựng tăng trên 12,3%;

+ Dịch vụ tăng trên 7%.

- GRDP bình quân đầu người 23,2 triệu đồng;

- Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 257 nghìn tấn; giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha) đạt 35,1 triệu đồng;

- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn 346 triệu USD;

- Thu ngân sách trên địa bàn 1.300 tỷ đồng, trong đó thu nội địa: 1.055 tỷ đồng, thu thuế xuất, nhập khẩu: 245 tỷ đồng;

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng trên 10% so với ước thực hiện năm 2015;

- Vốn đầu tư ngân sách địa phương 772,8 tỷ đồng, trong đó: vốn từ nguồn thu sử dụng đất 60,0 tỷ đồng; vốn đầu tư trong cân đối 701,8 tỷ đồng, vốn xổ số kiến thiết 11,0 tỷ đồng.

b) Về văn hóa - xã hội

- Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các bậc học, cấp học; mỗi huyện, thành phố tăng thêm ít nhất 01 trường chuẩn quốc gia;

- Giảm tỷ suất sinh 0,1‰, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,9%;

- Có 12 bác sỹ/vạn dân; 85,9% trạm y tế xã có bác sỹ; 15 xã mới đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã; xây dựng 5 trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia; 94,7% dân số tham gia bảo hiểm y tế;

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cuối năm 2016 còn dưới 19,4%;

- Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa 81%; tỷ lệ làng, xóm, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa 51%; tỷ lệ cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa 91%; tỷ lệ đơn vị có nhà văn hóa 70,8%;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3% trở lên;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 36%, trong đó đào tạo nghề 27%; tỷ lệ thất nghiệp ở thành phố, thị trấn 4,4%;

- Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới đạt 4 xã trở lên.

c) Về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng 51,5%;

- Phấn đấu đạt trên 85% dân cư thành thị được dùng nước sạch, trên 86% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh;

- Phấn đấu 10% số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn so với số hộ chăn nuôi còn để gia súc dưới gầm sàn năm 2015.

2. Những giải pháp chủ yếu

2.1. Về phát triển kinh tế

a) Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động của tỉnh thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế giai đoạn 2013 - 2020. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế trên 7%.

b) Tập trung rà soát, điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thành phố để phù hợp

với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 nhằm khai thác các tiềm năng, lợi thế để thúc đẩy phát triển kinh tế. Hỗ trợ triển khai các dự án đầu tư đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư; rà soát, xử lý và thu hồi đối với các dự án đầu tư không triển khai hoặc chậm tiến độ.

c) Về phát triển nông nghiệp, nông thôn

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, nhất là hỗ trợ về giống, kỹ thuật canh tác và thị trường tiêu thụ. Tăng cường đưa giống mới, giống cây có khả năng chịu hạn cao vào sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới để khai thác lợi thế của các vùng sinh thái trong tỉnh để sản xuất hàng hóa gắn liền với chế biến theo nhu cầu thị trường. Chủ động ngăn chặn, phòng chống một số dịch bệnh nguy hiểm ở cây trồng, vật nuôi như: lở mồm, long móng trên gia súc; bệnh vàng lùn, sọc đen trên lúa, ngô.... Mở rộng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày như: thuốc lá, mía phục vụ chế biến và xuất khẩu. Phát triển nhanh chăn nuôi theo hướng hiệu quả, an toàn dịch bệnh, tạo sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Đẩy mạnh phát triển có hiệu quả kinh tế rừng. Tiếp tục thực hiện chính sách giao đất, giao rừng, khoán rừng cho các hộ gia đình, cộng đồng và tổ chức quản lý bảo vệ và phát triển rừng. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư trồng rừng sản xuất theo phương thức thâm canh và hiệu quả. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; phấn đấu cuối năm 2016 phải hoàn thành xây dựng các xã điểm của tỉnh đạt được các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư vào sản xuất, phát triển công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn. Huy động các nguồn lực hỗ trợ từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển văn hoá, y tế, giáo dục và bảo vệ môi trường nông thôn.

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác hệ thống công trình thuỷ lợi hiện có. Tiếp tục đầu tư phát triển các hệ thống thuỷ lợi đa mục tiêu, ưu tiên đầu tư các công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường nông thôn. Thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống thiên tai, nhất là vào mùa mưa bão.

Chỉ đạo các địa phương giành quỹ đất cho xây dựng chuồng trại chăn nuôi, theo quy hoạch đất của địa phương; có kế hoạch di dời chuồng nuôi ra khỏi gầm sàn hàng năm và cả giai đoạn; đưa việc thực hiện chỉ tiêu di dời chuồng trại vào chương trình công tác của cấp Ủy, chính quyền hàng năm và cả giai đoạn, thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động, huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện đạt chỉ tiêu đề ra.

d) Về phát triển công nghiệp

Thực hiện tái cơ cấu công nghiệp, tập trung phát triển các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh của tỉnh. Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất.

Tiếp tục triển khai thực hiện những giải pháp của Chính phủ, UBND tỉnh, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Tập trung thực hiện các giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư hoàn thành các công trình dự án trọng điểm có hiệu quả để tăng năng lực sản xuất trong năm 2016, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội địa phương.

Đề ra các giải pháp, kịp thời giải quyết những tồn tại, vướng mắc cho các doanh nghiệp; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đặc biệt là đối với các dự án mới hoàn thành đưa vào sản xuất kinh doanh ổn định. Chú trọng hoạt động xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm.

Tiếp tục phát triển sản xuất công nghiệp có lợi thế của tỉnh trên cơ sở đổi mới công nghệ, giảm giá thành phẩm như các nhà máy chế biến khoáng sản, thủy điện, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản.... Chủ động tìm kiếm thị trường trong nước và xuất khẩu sản phẩm công nghiệp.

Tăng cường đôn đốc các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ xây dựng đối với các dự án đầu tư đang triển khai của ngành công nghiệp như: các nhà máy thủy điện trên Sông Bằng, Sông Nho Quế, Sông Gâm, phấn đấu phát điện Nhà máy thủy điện Bảo Lâm I vào cuối năm 2016 góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội địa phương, phấn đấu thực hiện hoàn thành mục tiêu đề ra.

e) Về phát triển dịch vụ

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển kinh tế đối ngoại giai đoạn 2016 - 2020.

Khai thác tốt thị trường nội địa, thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Phát triển hệ thống phân phối trên thị trường bán lẻ. Bảo đảm cung cấp các mặt hàng thiết yếu, đặc biệt là các mặt hàng chính sách, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá. Đẩy mạnh giao lưu hợp tác với tỉnh Quảng Tây và một số địa phương khác thuộc Trung Quốc, nhất là trong lĩnh vực liên kết xuất khẩu nông sản sang thị trường Trung Quốc; tổ chức các hội chợ thương mại quốc tế tại thành phố Cao Bằng và hội chợ tại các huyện trong tỉnh.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch, kết hợp với xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư. Đa dạng hoá sản phẩm du lịch, tạo ra sản phẩm độc đáo, đặc trưng của du lịch địa phương. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình của Tỉnh ủy về phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020.

Phát triển vận tải theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, bảo đảm đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, hành khách.

Khai thác tốt và nâng cao chất lượng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, tư vấn, khoa học công nghệ.... Đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước, nhất là hỗ trợ doanh nghiệp, nông dân tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường quản lý thị trường,

ngăn chặn có hiệu quả các hành vi gian lận thương mại như: hàng giả, hàng kém chất lượng, trốn thuế, lậu thuế, thao túng thị trường, buôn lậu qua biên giới; đồng thời đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.

g) Đề ra các giải pháp để huy động các nguồn lực thực hiện các chương trình trọng tâm của tỉnh nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2016.

h) Bố trí hợp lý nguồn lực tài chính, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất kinh doanh để tạo nguồn thu ổn định; tăng cường kiểm tra, giám sát trong quản lý thu ngân sách, đồng thời có các biện pháp chống thất thu ngân sách và xử lý kịp thời các vi phạm, gian lân, trốn thuế; phân bổ ngân sách theo hướng nâng cao hiệu quả, đáp ứng nhiệm vụ chi theo kế hoạch; ưu tiên bố trí ngân sách cho các trường hợp thực hiện theo chính sách, chế độ để đảm bảo công tác an sinh xã hội.

2.2. Về phát triển xã hội

a) Về an sinh xã hội và xoá đói giảm nghèo

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XI) về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020. Nâng cao hiệu quả dạy nghề gắn với giải quyết việc làm. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách lao động, an toàn lao động và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ và hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án về giảm nghèo, nhất là đối với các huyện nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, tập trung cho các huyện, xã, thôn, bản khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao. Theo dõi sát tình hình thiếu đói giáp hạt, thiệt hại do thiên tai để chỉ đạo kịp thời hoạt động cứu trợ tại địa phương và đề xuất các giải pháp khắc phục hậu quả; xây dựng, triển khai nhân rộng việc thực hiện các mô hình phòng tránh và cứu trợ phù hợp để kịp thời ứng phó và hạn chế các tác động xấu của thiên tai, hướng dẫn người dân chủ động phòng chống, cứu giúp lẫn nhau khi gặp thiên tai.

b) Về chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân

Củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh xảy ra. Triển khai các giải pháp hiệu quả để thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ về y tế, trong đó có giảm nhanh và bền vững tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em, tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi, dưới 5 tuổi; khống chế lây nhiễm HIV, bệnh lao và các bệnh dịch nguy hiểm khác;...

Có các giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh: Nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị và phát huy tối đa hiệu quả công suất sử dụng trang thiết bị; thực hiện tốt phân tuyến chuyên môn kỹ thuật theo từng tuyến để giảm bớt tình trạng quá tải ở tuyến trên và đảm bảo cho mọi người dân được tiếp cận với các dịch vụ y tế có chất lượng tại cơ sở. Đẩy mạnh kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong công tác khám chữa bệnh. Tiếp tục cử cán bộ chuyên môn đi luân phiên hỗ trợ cho tuyến dưới và tiếp nhận sự hỗ trợ chuyên môn của tuyến Trung ương cho tuyến tỉnh.

Xây dựng kế hoạch, có các giải pháp cụ thể để giảm bền vững tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi, tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi, dưới 5 tuổi, tỷ suất chết mẹ. Tăng cường các hoạt động truyền thông chuyển đổi hành vi trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, duy trì mức giảm sinh hợp lý, nâng cao chất lượng dân số.

c) Về phát triển giáo dục, đào tạo

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đa dạng hóa các loại hình trường, lớp; duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giao dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi. Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống dạy nghề đáp ứng nhu cầu thị trường lao động; phát triển nhanh về quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy nghề theo 3 cấp trình độ. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực với cơ cấu hợp lý. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo.

Thực hiện có hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; tiếp tục dạy học theo chuẩn kiến thức và kỹ năng, thực hiện giảm tải chương trình giáo dục phổ thông. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển trường trung học phổ thông Chuyên giai đoạn 2010 - 2020. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy, học các môn học. Đổi mới nội dung dạy, học môn tin học ở các cấp, bậc học theo hướng hiện đại, thiết thực, trên nền mã nguồn mở.

Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên nâng cao trình độ giáo viên mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp.

Đẩy mạnh xã hội hoá các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học. Xây dựng cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ giảng dạy, học tập phải đảm bảo yêu cầu: "chuẩn hoá, hiện đại hoá", tính đến nhu cầu sử dụng trước mắt, quy hoạch phát triển lâu dài.

Chỉ đạo thực hiện tốt công bằng xã hội trong giáo dục. Thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Tiếp tục thực hiện chính sách cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ đối với vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn. Thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh thuộc đối tượng gia đình chính sách, các gia đình nghèo, dân tộc thiểu số.

d) Về phát triển khoa học, công nghệ

Tập trung thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 và các Chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ.

đ) Về phát triển văn hoá

Tiếp tục củng cố và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng, tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục thể thao ở các cấp. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hoá nguồn lực đối với lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hoá, thể thao; hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách Nhà nước để tổ chức lễ hội.

e) Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện với trẻ em; bảo đảm thực hiện quyền trẻ em. Xây dựng môi trường phát triển toàn diện cho thanh niên. Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi, xây dựng và phát triển hình mẫu gia đình văn minh, hạnh phúc. Từng bước bảo đảm bình đẳng giới trong mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội; thu hẹp khoảng cách giới, xoá dần định kiến về giới trong đời sống xã hội.

2.3. Về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Tiếp tục triển khai Nghị quyết Trung ương 7 (Khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Nghị quyết của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, nhất là các lưu vực sông, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm; các cơ sở khai thác cát sỏi trên sông, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao khả năng phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

2.4. Về cải cách hành chính; phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước. Tập trung đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ phận một cửa. Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Nhà nước. Xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Triển khai thực hiện Luật tiếp công dân. Đề cao trách nhiệm của lãnh đạo cấp Ủy, chính quyền địa phương trong công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, xử lý vụ việc ngay từ cơ sở, không để phát sinh thành điểm nóng; tăng cường xử lý dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài.

2.5. Về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội

Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, bảo đảm an ninh kết hợp với phát triển kinh tế. Có các phương án tác chiến cụ thể ứng phó kịp thời các tình huống xảy ra, không để bị động, bất ngờ. Triển khai có hiệu quả các chương trình mục

tiêu quốc gia về phòng chống tội phạm, ma túy, mua bán người. tăng cường công tác đảm bảo an toàn giao thông.

Đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, quan tâm đặc biệt đến các vùng, địa bàn trọng điểm về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; tăng cường quan hệ đối ngoại, trước hết là với các vùng, địa phương của Trung Quốc cùng chung biên giới với tỉnh Cao Bằng.

2.6. Về công tác thông tin tuyên truyền

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền; tăng cường các thông tin chính thức một cách công khai, minh bạch, kịp thời về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản; tăng phủ sóng phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc thiểu số tới các vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Các cấp, các ngành phải thường xuyên cung cấp thông tin kịp thời cho các cơ quan thông tin đại chúng, trước hết là các thông tin về chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, môi trường đầu tư và các thông tin liên quan đến tình hình trong nước và quốc tế, bảo vệ chủ quyền biên giới... để nhân dân hiểu rõ về tình hình và chính sách của Đảng, Nhà nước từ đó tạo sự đồng thuận trong nhân dân thực hiện tốt các mục tiêu trên cơ sở kế hoạch đã đề ra.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Uỷ ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XV, kỳ họp thứ 14 thông qua./.

***Nơi nhận*:**
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- TT Thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Anh